TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/DS-ST
Ngày: 25/4/2025
V/v tranh chấp *"hợp đồng dân sự, hụi"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Xuân Đào

2. Ông Lê Văn Phụng

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2025/TLST- DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp *"Hợp đồng dân sự, hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T1), sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Á, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị T trình bày: do quen biết, nên bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á làm chủ, cụ thể: bà tham gia dây hụi

2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 28/3/2023 (al), có 21 hụi viên, gồm 24 phần, bà T tham gia 01 phần (trong dây hụi này ghi tên M). Hụi khui đến lần thứ 12 thì ông A tự ý ngưng không khui hụi tiếp tục. Do đó, dây hụi này bà T chầu được 12 lần với tổng số tiền 19.150.000 đồng. Khi làm chủ hụi ông A đứng tên là Nguyễn Văn T1 trên sổ hụi nhưng vợ ông A là bà Ngô Thị Á biết, cùng ông A tham gia giao dịch hụi với các hụi viên. Quá trình chơi hụi bà đã đóng nhiều kỳ trong dây hụi, hụi chưa mãn, bà chưa hốt hụi nhưng vợ chồng ông A tự ý ngưng hụi. Bà đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền hụi đã đóng nhưng ông A, bà Á cứ hẹn nhưng không thực hiện. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà Á số tiền hụi 19.150.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Bản photo 01 (một) biên bản hòa giải ngày 27/12/2024 tại ban ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang;

Ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T1) có lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án: Về yêu cầu khởi kiện của bà T2 thì ông thống nhất, đồng ý trả số tiền hụi còn nợ, ông xác định vợ chồng ông làm chủ hụi có bà Trần Thị T và những người khác trong xã cùng tham gia. Khi làm chủ hụi thì vợ chồng ông lấy tên là Nguyễn Văn T1 – cũng là tên gọi khác của ông. Do các hụi viên trong các dây hụi khác giựt hụi nên ông không thể tiếp tục thực hiện giao dịch hụi, tuyên bố bị bể hụi. Khi bể hụi thì vợ ông là Ngô Thị Á đi làm xa cho đến nay nhưng vẫn còn đăng ký thường trú cùng địa chỉ với ông tại ấp B, xã B, huyện C. Ông xác định khi tham gia làm chủ hụi thì hai vợ chồng cùng tham gia, vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp, vợ ông hoàn toàn biết các hụi viên, trong đó có bà T. Ông đồng ý cùng vợ liên đới trả nợ hụi cho bà Trần Thị T số tiền 19.150.000 đồng với điều kiện khi bán được đất.

Bị đơn Ngô Thị Á vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mặc dù Tòa án ra Thông báo yêu cầu bà trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đối với lời trình bày của ông A. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại Biên bản xác minh do cán bộ Tòa án lập ngày 06/02/2025 được Ban ấp B cung cấp thông tin, vào ngày 27/12/2024 Ban ấp có hòa giải về tranh chấp hụi giữa các nguyên đơn (trong đó có bà T) với ông A, bà Á. Ông A thừa nhận sự việc cùng vợ làm chủ hụi còn nợ các hụi viên, đồng ý trả nợ hụi khi nào bán được đất. Do không xác định được thời gian trả nợ hụi cụ thể nên phiên hòa giải không thành; Ban ấp có lập biên bản cho các bên ký tên. Bên bạnh đó, tại giấy xác nhận về tình trạng cư trú, Công an xã B xác nhận, bà Ngô Thị Á vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Thu giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền hụi còn nợ 19.150.000 đồng. Bị đơn A, Á thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng do hoàn cảnh khó khăn khi nào

bán được đất sẽ thực hiện nghĩa vụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Biên bản hòa giải ngày 27/12/2024 tại Văn phòng ấp B, xã B, huyện C nên có cơ sở xác định việc giao dịch hụi giữa bà T và ông A, bà Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận do ông A, bà Á không giao tiền hụi cho bà T2 là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi nên bà T khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền 19.150.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền 19.150.000 đồng; ông A, bà Á có đơn xin vắng mặt, có nội dung thừa nhận có giao dịch hụi, đồng ý với yêu cầu của bà T về số tiền hụi còn nợ, đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn, khi nào bán được đất sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi mà ông A, bà Á thừa nhận là hoàn toàn có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- Buộc ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T1) và bà Ngô Thị Á có nghĩa vụ trả bà Trần Thị T nợ hụi là 19.150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bị đơn ông A, bà Á trả tiền nợ hụi; Hội đồng xét xử xác định là tranh chấp *"hợp đồng dân sự, hụi"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện C căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng: do quen biết bà T có tham gia dây hụi do vợ chồng ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á làm chủ, bà T đã đóng hụi với số tiền 19.150.000 đồng, hụi chưa mãn, bà chưa hốt hụi nhưng vợ chồng ông A tự ý ngưng hụi. Bà đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền hụi đã đóng nhưng ông

A, bà Á cứ hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà Á số tiền hụi 19.150.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[3.2] Căn cứ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của T là Biên bản hòa giải được lập vào ngày 27/12/2024 tại Văn phòng ấp B, xã B, huyện C thể hiện chữ ký của các hụi viên, ông A có xác nhận của ban ấp và danh sách hụi viên thể hiện rõ tên hụi viên là bà T (tên gọi khác là M) tham gia nên có cơ sở xác định giao dịch hụi giữa bà T và ông A, bà Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tự do thỏa thuận do ông A, bà Á bể hụi không giao trả tiền hụi bà T đã đóng là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên nên bà T khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á thực hiện nghĩa vụ trả nợ hụi cho bà. Bên cạnh đó, tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền 19.150.000 đồng; ông A, bà Á có đơn xin vắng mặt, thống nhất với yêu cầu của bà T về số tiền hụi còn nợ, đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn, khi nào bán được đất sẽ thực hiện nghĩa vụ . Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với việc yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền hụi còn nợ 19.150.000 đồng.

[3.3] Về lãi suất: Nguyên đơn Trần Thị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi, không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn A, Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, cụ thể: 19.150.000 đồng x 5% = 957.500 đồng (chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á về số tiền nợ hụi.

Buộc ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 19.150.000 đồng (mười chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Nguyên đơn Trần Thị T được hoàn lại 478.000 đồng (bốn trăm bảy mươi tám nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0023985 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bị đơn Nguyễn Phước A, Ngô Thị Á phải chịu 957.500 đồng (chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm nghìn), án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị T, ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc nhận được niêm yết bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong